

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Số: 1376/QĐ-ĐHNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16 tháng 8 năm 1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thuỷ sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-ĐHNT ngày 07 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 290/QĐ-ĐHNT ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc thành lập Ban xây dựng Đề án đào tạo theo đặt hàng các ngành thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 645/QĐ-ĐHNT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc thành lập Ban quản lý chương trình đào tạo Minh Phú;

Căn cứ Thỏa thuận hợp tác giữa Trường Đại học Nha Trang và Tập đoàn Thủy sản Minh Phú ký ngày 26 tháng 5 năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học và Viện trưởng Viện Nuôi trồng thủy sản.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo Nuôi trồng thủy sản Minh Phú - NTU trình độ đại học (thuộc ngành Nuôi trồng thủy sản, mã số 7620301).

Điều 2. Giao Viện Nuôi trồng thủy sản quản lý chương trình đào tạo này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Ban quản lý, Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo và các ông/bà Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./Lê Văn Trung

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐTĐH.





CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: NUÔI TRỒNG THỦY SẢN



*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1376/QĐ-DHNT ngày 10 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

a) Đơn vị được giao quản lý	Viện Nuôi trồng Thủy sản
b) Tên chương trình	Nuôi trồng thủy sản Minh Phú - NTU
c) Ngành đào tạo	Nuôi trồng thủy sản
d) Mã số ngành đào tạo	7620301
e) Trình độ đào tạo	Đại học
f) Hình thức đào tạo	Chính quy
g) Thời gian đào tạo	4,5 năm
h) Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
i) Tên văn bằng sau tốt nghiệp	Kỹ sư Nuôi trồng thủy sản
j) Thời gian xây dựng CTĐT	9/2022

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội của ngành Nuôi trồng thủy sản nói chung và của Tập đoàn Thủy sản Minh Phú nói riêng, cụ thể:

- PEO1: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khoẻ; các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;
- PEO2: Có kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu và kiến thức thực tế về nghề nuôi trồng thủy sản.
- PEO3: Có kỹ năng thực hiện các nhiệm vụ, kỹ năng thực hành về công nghệ nuôi trồng thủy sản/quản lý nuôi trồng thủy sản/quản lý sức khoẻ động vật thủy sản;
- PEO4: Có khả năng nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng liên quan công nghệ nuôi trồng thủy sản/quản lý nuôi trồng thủy sản/quản lý sức khoẻ động vật thủy sản;
- PEO5: Có kỹ năng phản biện, phân tích và tổng hợp các vấn đề liên quan đến công nghệ nuôi trồng thủy sản/quản lý nuôi trồng thủy sản/quản lý sức khoẻ động vật thủy sản;
- PEO6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm trong phô biến kiến thức và hướng dẫn thực hành; giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ liên quan công nghệ nuôi trồng thủy sản/quản lý nuôi trồng thủy sản/quản lý sức khoẻ động vật thủy sản.

2.2. Ma trận tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs) với mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)

Mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)					
	1	2	3	4	5	6
1: Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe	x					x
2: Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp		x				
3: Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp			x		x	
4: Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học – công nghệ		x		x		x
5: Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp		x	x	x	x	x

III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thuỷ sản Minh Phú - NTU, sinh viên có khả năng:

1. PLO1: Có lập trường chính trị vững, biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khoẻ để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;
2. PLO2: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành đào tạo;
3. PLO3: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu 5.0 điểm IELTS = 131 Cambridge = 600 TOEIC = Bậc 4/B2 theo CEFR = 450 TOEFL ITP; ứng dụng công nghệ thông tin; kiến thức quản lý để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;
4. PLO4: Giải thích được vấn đề xã hội quan tâm, nổi bật liên quan đến lĩnh vực chuyên môn về công nghệ nuôi trồng thuỷ sản/quản lý nuôi trồng thuỷ sản/quản lý sức khoẻ động vật thuỷ sản;
5. PLO5: Vận dụng được kiến thức chuyên môn để triển khai công nghệ nuôi trồng thuỷ sản/quản lý nuôi trồng thuỷ sản/quản lý sức khoẻ động vật thuỷ sản; công nghệ chế biến TS;
6. PLO6: Xây dựng và tổ chức thực hiện được kế hoạch trong chuyên môn về công nghệ nuôi trồng thuỷ sản/quản lý nuôi trồng thuỷ sản/quản lý sức khoẻ động vật thuỷ sản;
7. PLO7: Nghiên cứu và chuyên giao công nghệ thuộc các lĩnh vực chuyên môn được đào tạo; tư vấn kỹ thuật trong thiết kế và quy hoạch chuyên môn về công nghệ nuôi trồng thuỷ sản/quản lý nuôi trồng thuỷ sản/quản lý sức khoẻ động vật thuỷ sản;
8. PLO8: Làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp;
9. PLO9: Tư duy đổi mới/phản biện và có tinh thần khởi nghiệp để thích ứng với những điều kiện làm việc khác nhau và xu thế phát triển.

3.2. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

PEOs	Chuẩn đầu ra - PLOs								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	x							x	
2		x		x	x				
3						x		x	x
4							x		
5						x			x
6			x				x		x

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Sau khi tốt nghiệp, các kỹ sư nuôi trồng thuỷ sản có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm:

4.1. Tại Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

- Sản xuất thức ăn;
- Sản xuất giống tôm he;
- Nuôi thương phẩm tôm he;
- Giao nhận hàng, chăm sóc khách hàng và các dịch vụ hỗ trợ khách hàng;

- Nghiên cứu, phát triển và chuyển giao các hoạt động sản xuất nuôi trồng thuỷ sản;
- Giám sát sản xuất giống, nuôi thương phẩm, thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch;
- Lãnh đạo và quản lý các cấp (tổ, trung tâm, phân xưởng, trạm trại, cơ sở sản xuất, công ty).

4.2. Tại các cơ quan, doanh nghiệp, trường viện và khác

- Cán bộ/giảng viên/nghiên cứu viên/chuyên viên/nhân viên...liên quan nuôi trồng thuỷ sản;
- Quản lý/giảng dạy/nghiên cứu/điều hành/lập kế hoạch/tư vấn/chuyển giao/giám sát... liên quan đến các hoạt động thủy sản nói chung và nuôi trồng thuỷ sản nói riêng;
- Các cơ quan quản lý Nhà nước (Bộ, Ban, Ngành, Sở, Phòng, Trung tâm) và các tổ chức phi chính phủ liên quan đến nuôi trồng thuỷ sản;
- Các trường, viện, trung tâm có đào tạo và nghiên cứu về thủy sản (Nuôi trồng thuỷ sản, Bệnh học thủy sản, Quản lý thủy sản,...);
- Các công ty, doanh nghiệp, tập đoàn sản xuất, kinh doanh và dịch vụ liên quan nuôi trồng thuỷ sản (thức ăn, giống, nuôi thương phẩm, thuốc và sản phẩm, tư vấn và chuyển giao,...);
- Các trang trại và hộ gia đình sản xuất liên quan đến nuôi trồng thuỷ sản.

V. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

Thông tin tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> Hình thức tuyển sinh: xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT và các hình thức khác Phạm vi tuyển sinh: trong cả nước Đối tượng tuyển sinh: thí sinh tốt nghiệp THPT
Điều kiện nhập học	Thí sinh đủ các điều kiện xét tuyển vào trường theo quy định hiện hành.
Quy định đào tạo	Chi tiết tại website: www.ntu.edu.vn
Điều kiện tốt nghiệp	Chi tiết tại website: www.ntu.edu.vn

VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Cấu trúc chương trình	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
		Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
I	Nội dung giáo dục tổng quát	61	34,66	54	30,68	7	3,98
1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật	20	11,36	18	10,22	2	1,14
2	Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường	22	12,50	18	10,23	4	2,27
3	Ngoại ngữ	8	4,55	8	4,55	0	0
4	Thể chất và Quốc phòng – An ninh	11	6,25	10	5,68	1	0,57
II	Nội dung giáo dục chuyên nghiệp	115	65,34	107	60,80	8	4,54
1	Cơ sở ngành	46	26,14	42	23,87	4	2,27
2	Ngành	28	15,91	24	13,64	4	2,27
3	Chuyên ngành/ngành phụ (nếu có)	15	8,52	15	8,52	0	0
4	Bổ trợ	16	9,09	16	9,09	0	0
5	Tốt nghiệp	10	5,58	10	5,58	0	0
	Tổng cộng	176	100	161	91,48	15	8,52

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Khung chương trình đào tạo

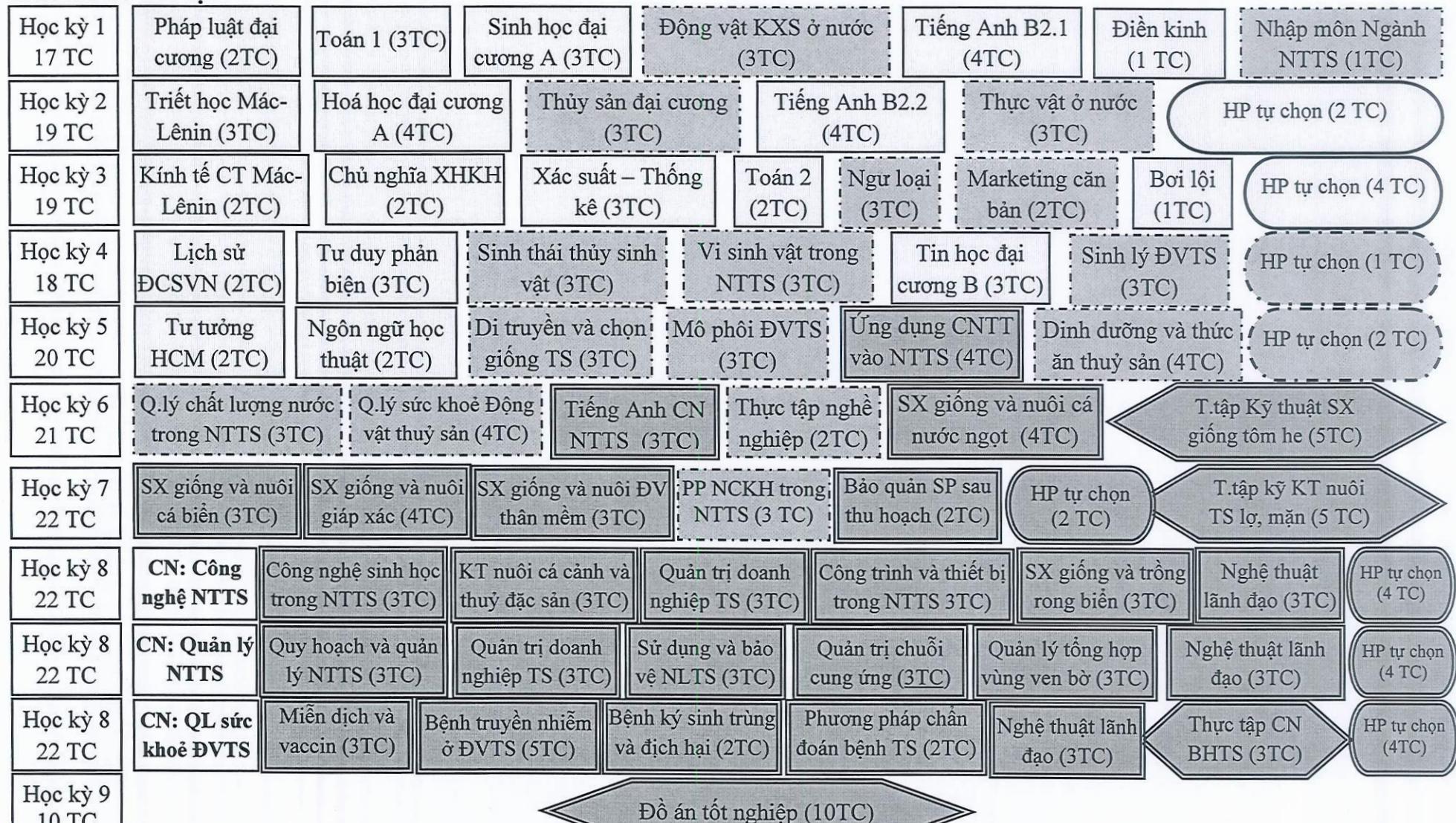
I.4	Thể chất và Quốc phòng – An ninh	11											
Các HP bắt buộc		10						1	1				
23	Đường lối QP&AN của ĐCSVN	3	3										
	Công tác quốc phòng và an ninh	2	2										
	Quân sự chung	1	1						1				
	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	2										
24	Điền kinh	1		1				1					
	Bơi lội	1		1					1				
Các HP tự chọn		I*								I*			
24	Bóng chuyền	I*	I							I*			
	Taekwondo	I*	I							I*			
	Cầu lông	I*	I							I*			
	Aerobic	I*	I							I*			
	Bóng đá	I*	I							I*			
II	Nội dung giáo dục chuyên nghiệp	115											
II.1	Cơ sở ngành	46											
Các HP bắt buộc		42						4	6	3	9	10	7
25	Nhập môn ngành NTTSM ^{MP}	1	1					1					
26	Động vật không xương sống ở nước	3	2	1				3					
27	Thủy sản đại cương	3	3						3				
28	Thực vật ở nước	3	2	1					3				
29	Ngư loại	3	2	1					3				
30	Vi sinh vật trong NTTs	3	2	1						3			
31	Sinh thái thủy sinh vật	3	2	1						3			
32	Sinh lý động vật thủy sản	3	2	1						3			
33	Mô và phôi động vật thủy sản	3	2	1						3			
34	Dinh dưỡng và thức ăn thuỷ sản	4	3	1						4			
35	Di truyền và chọn giống TS	3	2	1						3			
36	Quản lý chất lượng nước trong NTTs	3	2	1						3			
37	Quản lý sức khỏe động vật thủy sản	4	3	1						4			
38	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong NTTs	3	2	1						3			
Các HP tự chọn		4*								2*	2*		
39	Hoá phân tích	2*	2							2*			
	Hóa sinh	2*	2							2*			
	Phân loại giáp xác và động vật thân mềm	2*	1,5	0,5							2*		
	Ô nhiễm môi trường nước	2*									2*		
II.2	Ngành	28											
Các HP bắt buộc		24									9	15	
41	SX giống và nuôi cá nước ngọt	4	4								4		
42	SX giống và nuôi cá biển	3	3								3		
43	SX giống và nuôi giáp xác	4	4								4		

44	Sản xuất giống và nuôi động vật thân mềm	3	3									3		
45	Thực tập kỹ thuật nuôi thuỷ sản lợ, mặn ^{MP}	5		5								5		
46	Tiếng Anh chuyên ngành NTTs	3	2	1							3			
47	Internship/T.tập nghề nghiệp ^{MP}	2		2							2			
Các HP tự chọn		4*										4*		
48	Khuyến ngư và phát triển nông thôn	2*	2*									2*		
49	Thuốc và hóa chất trong NTTs	2*	2*									2*		
	An toàn s.học trong NTTs	2*	2*									2*		
	Truy xuất nguồn gốc thuỷ sản	2*	2*									2*		
II.3	Chuyên ngành/ngành phụ (Hoặc)	15												
II.3.1	Công nghệ nuôi trồng thủy sản	15										15		
50	C.nghệ sinh học trong NTTs	3	3									3		
51	SX giống và trồng rong biển	3	3									3		
52	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	3	3									3		
53	Công trình và thiết bị trong nuôi trồng thuỷ sản	3	3									3		
54	Kỹ thuật nuôi cá cảnh và thuỷ đặc sản	3	3									3		
II.3.2	Quản lý nuôi trồng thủy sản	15										15		
50	Quy hoạch và quản lý NTTs	3	3									3		
51	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	3	3									3		
52	Sử dụng và b.vệ nguồn lợi TS	3	3									3		
53	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3									3		
54	Quản lý tổng hợp vùng ven bờ	3	3									3		
II.3.3	Quản lý sức khỏe Động vật thủy sản	15										15		
50	Miễn dịch và vaccin	3	3									3		
51	Bệnh truyền nhiễm ở động vật thủy sản	5	3	2								5		
52	Bệnh ký sinh trùng và dịch hại	2	2									2		
53	PP chuẩn đoán bệnh thủy sản	2	2									2		
54	T.tập chuyên ngành bệnh TS	3		3								3		
II.4	Bổ trợ^{MP}	16								2	4	5	2	3
55	Marketing căn bản ^{MP}	2	2							2				
56	Bảo quản SP sau thu hoạch ^{MP}	2	2								2			
57	T.tập KTSX giống tôm he ^{MP}	5		5							5			
58	Ứng dụng CNTT vào NTTs ^{MP}	4	3	1						4				
59	Nghệ thuật lãnh đạo ^{MP}	3	3								3			
II.5	Tốt nghiệp	10												
60	Đồ án tốt nghiệp ^{MP}	10		10								10		

Ghi chú:

- Các tín chỉ có dấu "*" là của HP tự chọn.
- Ký hiệu ^{MP}: Các HP thực hiện tại các cơ sở của Tập đoàn Thủy sản Minh Phú.
- Ký hiệu ^{MP}: Các HP dành riêng cho chương trình Minh Phú - NTU.
- Ký hiệu ^{DK}: Các HP điều kiện.

7.2. Lưu đồ đào tạo



Ghi chú: (1) Các biểu thị của hình dạng khung:

(2) Chỉ thị màu/viền:

HP bắt buộc

Khối KT tổng quát

HP tự chọn

Khối KT cơ sở

T.tập/TN

Khối KT CN

7.3 Ma trận thể hiện sự đóng góp của Học phần để đạt được Chuẩn đầu ra

25	Nhập môn Ngành NTTs	1			I	I	I	I			4I
26	Động vật không xương sống ở nước	3			I	R					1I, 1R
27	Thuỷ sản đại cương	3			R	I	I	I			3I, 1R
28	Thực vật ở nước	3			I	R					1I, 1R
29	Ngư loại	3			I	M	R				1I,1R,1M
30	Vิ sinh vật trong NTTs	3			I	R					1I, 1R
31	Sinh thái thủy sinh vật	3			I	R					1I, 1R
32	Sinh lý động vật thủy sản	3			I	R					1I, 1R
33	Mô và phôi động vật thủy sản	3			I	R					1I, 1R
34	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	4			I	M	R				1I,1R,1M
35	Di truyền và chọn giống thủy sản	3			I	M	R				1I,1R,1M
36	Quản lý chất lượng nước trong NTTs	3			I	M	M	M	R	I	2I,1R,3M
37	Quản lý sức khỏe động vật thủy sản	4			I	R	M	M	R	I	2I,2R,2M
38	Phương pháp NCKH trong NTTs	3					R	M	R	R	3R, 1M
	<i>Hoá phân tích</i>	2				x			x		x
39	<i>Hóa sinh</i>	2				x	x				x
40	<i>Phân loại giáp xác và đ.vật thân mềm</i>	2			x	x	x				x
	<i>Ô nhiễm môi trường nước</i>	2			x	x	x				x
41	Sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt	4			I	M	R	R			1I,2R,1M
42	Sản xuất giống và nuôi cá biển	3			I	M	R	R			1I,2R,1M
43	Sản xuất giống và nuôi giáp xác	4			I	M	R	R			1I,2R,1M
44	SX giống và nuôi động vật thân mềm	3			I	M	R	R			1I,2R,1M
45	Thực tập Kỹ thuật nuôi thuỷ sản lợ, mặn	5			I	M	M	R	R	R	1I,3R,2M
46	Tiếng Anh chuyên ngành NTTs	3		M	I	I					2I, 1M
47	Internship/Thực tập nghề nghiệp	2			x	x	x	x	x	x	x
	<i>Khuyến ngư và phát triển nông thôn</i>	2					x	x			x
48	<i>Thuốc và hóa chất trong NTTs</i>	2			x	x					x
49	<i>An toàn sinh học trong NTTs</i>	2			x	x	x		x	x	x
	<i>Truy xuất nguồn gốc thuỷ sản</i>	2									
	<i>CN Công nghệ nuôi trồng thủy sản</i>				5I	1R,4M	4R,1M	2R	1R	1R	
50	Ứng dụng CNSH trong NTTs	3			I	M	R				1I,1R,1M

51	Sản xuất giống và trồng rong biển	2			I	M	R	R			1I,2R,1M
52	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	3			I	R	M		R	R	1I,3R,1M
53	Công trình và thiết bị trong NTTs	3			I	M	R	R			1I,2R,1M
54	Kỹ thuật nuôi cá cảnh và thủy đặc sản	3			I	M	R				1I,1R,1M
	<i>CN Quản lý nuôi trồng thủy sản</i>				5I	2R,3M	3R,2M	1R	3R	3I	
50	Quy hoạch và quản lý NTTs	3			I	M	R		R	I	2I,2R,1M
51	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	3			I	R	M		R	I	2I,2R,1M
52	Sử dụng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	2			I	M	R	R			1I,2R,1M
53	Quản trị chuỗi cung ứng	4			I	R	M		R	I	2I,2R,1M
54	Quản lý tổng hợp vùng ven bờ	3			I	M	R				1I,1R,1M
	<i>CN Quản lý sức khỏe Động vật TS</i>				5I	2R,3M	3R,2M	1R	3R	3I	
50	Miễn dịch và vaccin	3			I	M	R		R	I	2I,2R,1M
51	Bệnh truyền nhiễm ở động vật thủy sản	3			I	R	M		R	I	2I,2R,1M
52	Bệnh ký sinh trùng và dịch hại	3			I	M	R	R			1I,2R,1M
53	Phương pháp chuẩn đoán bệnh thủy sản	3			I	R	M		R	I	2I,2R,1M
54	Thực tập chuyên ngành bệnh thủy sản	3			I	M	R				1I,1R,1M
	<i>Bồi trợ</i>										
55	Marketing căn bản ^{MP}	2			I	R	M				1I,1R,1M
56	Bảo quản sản phẩm sau thu hoạch ^{MP}	2			I	R	M				1I,1R,1M
57	Thực tập KT sản xuất giống tôm he ^{MP}	5			I	R	M				1I,1R,1M
58	Ứng dụng CNTT vào NTTs ^{MP}	4			I	R	M		R	R	1I,3R,1M
59	Nghệ thuật lãnh đạo ^{MP}	3			I	R	M		R	R	1I,3R,1M
60	<i>Tốt nghiệp</i>	10			M	M	M	M	M	M	6M
Tổng	<i>CN Công nghệ nuôi trồng thủy sản</i>		8M	9I,4R,6M	1R,6M	28I,1R,1M	3I,13R,14M	2I,12R,10M	2I,7R,4M	7R,1M	2I,5R,3M
	<i>CN Quản lý nuôi trồng thủy sản</i>		8M	9I,4R,6M	1R,6M	28I,1R,1M	3I,14R,13M	2I,11R,11M	2I,6R,4M	9R,1M	5I,4R,3M
	<i>CN Quản lý sức khỏe Động vật TS</i>		8M	9I,4R,6M	1R,6M	28I,1R,1M	3I,14R,13M	2I,11R,11M	2I,6R,4M	9R,1M	5I,4R,3M

Ghi chú: I (Introduction): HP cung cấp kiến thức nền tảng cho PLO đó, hỗ trợ đạt được PLO đó ở mức giới thiệu/bắt đầu); R (Reinforced): HP cung cấp kiến thức nâng cao và kỹ năng ban đầu nhằm củng cố và hỗ trợ một phần cho PLO đó; M (Master): HP cung cấp kiến thức chuyên sâu và giúp hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho PLO tương ứng.

7.4. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường Đại học Nha Trang.

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mỗi năm học, Nhà trường tổ chức 3 học kỳ, bao gồm hai học kỳ chính và một học kỳ phụ (học kỳ hè).

Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.

Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Đại học và Cố vấn học tập tư vấn sinh viên đăng ký các học phần bắt buộc và lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp.

IX. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN

Trong quá trình thực hiện khoá học, sinh viên được hỗ trợ nhiều hoạt động từ Khoa/Viện, Bộ môn, Trung tâm Hỗ trợ việc làm và Khởi nghiệp và Tập đoàn Thủy sản Minh Phú, cụ thể:

- Tham quan thực tế tại cơ sở Tập đoàn Thuỷ sản Minh Phú sau khi nhập học;
- Ở ký túc xá nếu sinh viên có nhu cầu;
- Mượn và đọc tài liệu miễn phí; sử dụng wifi miễn phí trong toàn trường;
- Tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức; các CLB chuyên môn, kỹ năng mềm;
- Được sử dụng các dịch vụ khác nước uống, căn tin, y tế,...

TRƯỜNG KHOA/VIỆN

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

Lê Minh Hoàng

Lê Minh Hoàng

HIỆU TRƯỞNG

HĐ PHÁT TRIỂN CTĐT
